TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN U MINH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/DS-ST
Ngày 17-7-2019
V/v tranh chấp tiền hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Hận

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Ngày 17 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc *"Tranh chấp tiền hụi"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Minh X, sinh năm 1966

Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970

Đại diện theo ủy quyền của ông X: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1970 *(theo giấy ủy quyền ngày 22 tháng 5 năm 2019)*

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp 11, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* ông Trần Văn K, sinh năm 1960

Địa chỉ cư trú: Ấp 12, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

(Bà T có mặt, ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2019 nguyên đơn ông Phan Minh X, bà Nguyễn Thị T trình bày như sau:* Vào ngày 11/5/2018 Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử buộc ông Trần Văn K trả tiền hụi chết cho ông, bà đến hết tháng 11/2017 âm lịch. Từ tháng 12/2017 đến nay ông K không thực hiện việc đóng hụi

chết, nên ông, bà yêu cầu ông Trần Văn K trả cho ông, bà số tiền hụi mà ông K nợ trong các dây hụi cụ thể như sau:

- Dây hụi ngày 20/5/2015 âm lịch có 45 chân, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, ông K tham gia 02 chân đã hốt vào tháng 11 năm 2015 âm lịch và tháng 10 năm 2016 âm lịch. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 12/2018 là 13 tháng (13 x 2.000.000 đồng/tháng = 26.000.000 đồng);

- Dây hụi ngày 12/9/2015 âm lịch có 35 chân, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, ông K tham gia 02 chân đã hốt vào tháng 3 và tháng 4 năm 2016 âm lịch. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 6/2018 là 07 tháng (07 x 2.000.000 đồng/tháng = 14.000.000 đồng);

- Dây hụi ngày 04/11/2015 âm lịch, có 41 chân, ông K tham gia 03 chân, đã hốt hụi xong. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 2/2019 là 15 tháng (15 x 3.000.000 đồng/tháng = 45.000.000 đồng);

- Dây hụi ngày 02/02/2016 âm lịch, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, có 40 chân, ông K tham gia 04 chân đã hốt vào tháng 3, tháng 5, tháng 7 và tháng 9 năm 2016 âm lịch. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 4/2019 là 17 tháng (17 x 4.000.000 đồng/tháng = 68.000.000 đồng);

- Dây hụi ngày 15/02/2016 âm lịch có 46 chân, loại hụi 1.000.000 đồng/tháng, ông K tham gia 03 chân đã hốt vào tháng 5, tháng 10 và tháng 11 năm 2016 âm lịch. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 3/2019 là 16 tháng (16 x 3.000.000 đồng/tháng = 48.000.000 đồng);

- Dây hụi ngày 09/02/2017 loại hụi 2.000.000 đồng/tháng, có 26 chân, ông K tham gia 01 chân đã hốt đầu. Từ tháng 12/2017 đến thời gian mãn dây hụi tháng 02/2019 là 15 tháng (15 x 2.000.000 đồng/tháng = 30.000.000 đồng);

Tổng số tiền các chân hụi là 231.000.000 đồng.

* Đối với ông Trần Văn K, Tòa án nhân dân huyện U Minh đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông K từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và ông K vắng mặt không lý do, không có ý kiến đối với yêu cầu của ông X, bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông X, bà T khởi kiện yêu cầu ông K trả tiền hụi. Xét đây là quan hệ tranh chấp dân sự về việc "*Tranh chấp tiền hụi"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ông K vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K theo quy định.

[2]. Về nội dung:

Tại phiên tòa bà T yêu cầu Tòa án buộc ông K trả tiền hụi. Xét thấy giữa ông X, bà T với ông K có xác lập hợp đồng chơi hụi với nhau và ông K còn nợ ông X, bà T các chân hụi ngày 20/5/2015; ngày 12/9/2015; ngày 04/11/2015; ngày 02/02/2016; ngày 15/02/2016 và ngày 09/02/2017 với tổng số tiền nợ 231.000.000 đồng là có thật, được thể hiện tại Bản án số 12/2018/DS-ST ngày 11/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau đã có hiệu lực pháp luật. Mặt khác, ông K từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không tham gia hòa giải, xét xử, không có ý kiến đối với yêu cầu của ông X, bà T nên ông K phải gánh chịu mọi thiệt hại. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của ông X, bà T về việc yêu cầu ông K trả số tiền hụi còn thiếu 231.000.000 đồng.

Về án phí: Án phí dân sự có giá ngạch ông K phải chịu 11.550.000 đồng. Ông X, bà T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b, khoản 2 Điều 227; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Áp dụng Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường.

* Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Minh X, bà Nguyễn Thị T đối với ông Trần Văn K.

Buộc ông Trần Văn K trả cho ông Phan Minh X, bà Nguyễn Thị T số tiền 231.000.000đ *(Hai trăm ba mươi mốt triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn K phải nộp 11.550.000 đồng. Ông Phan Minh X, bà Nguyễn Thị T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 5.775.000 đồng theo biên lai số 0004332, ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được nhận lại khi án có hiệu lực.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, ông Phan Minh X, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoài Hận

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.